TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02/12/2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đào và bà Nguyễn Thị Kim Thạch.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Công L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khối Phố 2A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trần Công L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T kết hôn chung sống với nhau từ năm 2020 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 13/10/2021, bị đơn chị Lê Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt không đáng kể. Mỗi lần phát sinh mâu thuẫn thì anh L thường xuyên bỏ nhà đi. Hiện nay anh L xin ly hôn thì chị tôn trọng quyết định của anh L.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Trần Công L và chị Lê Thị Phương T là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị T là đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Công L và chị Lê Thị Phương T chung sống như vợ chồng vào năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng sống ly thân và nguyện vọng của anh L, chị T đều thống nhất ly hôn.

Tuy nhiên, trường hợp chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn của anh L và chị T thì Toà án không giải quyết cho ly hôn mà không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại các Điều 9, 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[3]. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Công L và chị Lê Thị Phương T.

Về án phí: Anh Trần Công L phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010258 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành